

CÁC NHÀ SỬ HỌC TRONG VAI TRÒ QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HOÁ DÂN TỘC

Antoinette J. Lee

Cách quản lý di sản văn hoá của nước Mỹ quả là độc đáo, không giống nước nào trên thế giới. Ban đầu, "hệ thống" bảo tồn phát triển từ chỗ học hỏi cách tiếp cận và phương pháp luận của nước ngoài. Trong thập niên 1960-70, các nhà bảo tồn của Mỹ nghiên cứu các hệ thống bảo tồn ở Anh, châu Âu và Liên bang Xô Viết để tìm ra những gì thích hợp với nước Mỹ. Suốt thế kỷ 20, hệ thống bảo tồn của Mỹ chứa đầy các sáng kiến do trong nước đưa ra nhằm đáp ứng các yêu cầu thực tiễn của đất nước về công tác bảo tồn.

Ngày nay, hệ thống bảo tồn của Mỹ là một hệ thống được các nhà quan sát trong nước cũng như nước ngoài tán phục nhưng đôi khi chỉ trích. Trong tình trạng hiện nay của nó, lĩnh vực di sản văn hoá ở Mỹ phản ánh sự tin tưởng của quốc gia đối với khu vực tư nhân, sự ưu việt của các quyền tư nhân đối với tài sản, vị trí tối quan trọng của chính quyền địa phương trong việc qui định việc sử dụng đất đai, và tầm quan trọng của quân chúng trong việc tham gia vào công tác này. Vai trò của chính quyền địa phương tập trung vào việc quản lý các biện pháp khích lệ có mức độ bằng tài chính, đặt ra chính sách và tiêu chuẩn, và khuyến khích các chủ sở hữu tài sản và quân chúng trân trọng di sản của họ. Không có nước nào mà các nhà khai thác bất động sản đóng một vai trò xuất sắc trong công tác bảo tồn như ở Mỹ, nơi các biện pháp khuyến khích được thực hiện thông qua cách đánh thuế được coi là điều thiết yếu

không thể thiếu trong thùng đồ nghề của công tác bảo tồn.

Hệ thống bảo tồn của Hoa Kỳ có xu hướng sử dụng các biện pháp khuyến khích và các qui định một cách thực dụng, và về cơ bản, hệ thống này được nhiều người coi là một nỗ lực nằm ngoài học thuật. Các cuộc họp thường niên của các tổ chức bảo tồn quốc gia, bang và địa phương giúp cho chúng ta hiểu rõ "các câu chuyện về sự thành công". Các cuộc họp này nhằm tiến hành vận động hành lang để tăng thêm nguồn tài trợ từ chính phủ, bảo vệ các qui định quan trọng, hay ủng hộ cho các sáng kiến mới về chương trình. Rất ít người tham dự các hội nghị này tự giới thiệu mình là "nhà sử học" hay đưa ra các kết quả nghiên cứu uyên thâm. Thay vào đó, các nhà sử học làm công tác bảo tồn phải tham dự hội nghị của các tổ chức lịch sử mang tính học thuật và kinh viện để thảo luận về công tác nghiên cứu và xuất bản về lịch sử.

Một số những nhà quan sát bên ngoài đã tán phục các nhà bảo tồn của Mỹ vì đã mạnh dạn và lạc quan. Định hướng hoạt động như một khu vực tư nhân trong lĩnh vực này đã tạo cho các nhà khai thác bất động sản, các "cảnh sát trong lĩnh vực bảo tồn", và thậm chí các nhà quản lý của các chương trình phục hồi sức sống cho các cư dân của các thị xã nhỏ, một tinh thần "dám làm" mà chỉ người Mỹ mới có. Cho dù các toà nhà mang tính lịch sử có bị phá bỏ, thì những "thất bại" như vậy sẽ là điểm bặt để đạt tới những thành công

trong tương lai. Nhiều người nước ngoài tự hỏi tại sao xã hội Mỹ không thể đưa ra những sự kiểm soát, những qui định, và những đầu tư mang tính công cộng nhiều hơn đối với những gì được hiểu là có lợi cho công chúng.

Tuy nhiên, nếu một ai đó đào sâu hơn nữa vào hệ thống bảo tồn, họ sẽ phát hiện ra tác động quan trọng của các nhà sử học về văn hoá và xã hội đối với lĩnh vực bảo tồn trong suốt bốn thập kỷ qua. Từ khi Đạo luật Bảo tồn Lịch sử Quốc gia năm 1966 được thông qua, các nhà sử học này đã biến những cái mà lĩnh vực bảo tồn ngày nay quý trọng và giới thiệu thành những gì đáng gìn giữ. Hơn nữa, các nhà sử học "không được xưng tụng" đó là những vị anh hùng của vô số trận mạc nhằm xác định rõ và từ đó bảo vệ các toà nhà và các địa điểm lịch sử ở hàng nghìn cộng đồng trên khắp đất nước.

Vai trò của các nhà sử học về nghệ thuật và kiến trúc trong các hoạt động về di sản văn hoá là chuyện hầu như phổ biến ở Mỹ cũng như ở nước ngoài. Tuy nhiên, Hoa Kỳ khác người ở chỗ họ đã thu hút vào đây các nhà sử học thuộc những diện khác như xã hội, chính trị, văn hoá, môi trường. Trong số này, nhiều nhà sử học này đã hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn văn hoá bởi vì bộ máy quan liêu của chính phủ không tạo cơ hội cho họ áp dụng kiến thức của mình. Một số nhà sử học quyết định không bước vào tháp ngà của công tác học thuật nên đã lựa con đường áp dụng các kỹ năng và tri thức của mình vào việc đáp ứng các nhu cầu của thế giới thực tiễn. Hơn nữa, các hướng đi khác, nhất là con đường học viện, hầu như vẫn bế tắc bởi vì công việc tại các trường cao đẳng và đại học là không đủ so với số người xin việc đạt tiêu chuẩn. Dù bị thu hút vào lĩnh vực này vì bất kỳ lý do gì chẳng nữa, thì các nhà sử học cũng đã góp phần tạo nên tính chất đặc sắc của công tác bảo tồn di tích văn hoá ở Hoa Kỳ.

Xác định lĩnh vực

Khác với tình hình các nước khác, lĩnh vực bảo tồn ở Hoa Kỳ đã gặp khó khăn trong việc xác định tên gọi và phạm vi của nó. Những người đã tác động để Đạo luật Bảo tồn Lịch sử Quốc gia được thông qua vào những năm 1960 nhận thấy thuật ngữ "historic preservation" là không có gì vướng mắc. Tuy nhiên, những người nghĩ rằng "historic preservation" bao hàm mối quan tâm của giới tinh hoa đối với những dinh thự có kiến trúc theo phong cách giàu sang và cao cấp thì lại tìm kiếm những thuật ngữ khác. Họ trông cậy vào nước Anh và châu Âu là những nước sử dụng từ "conservation". Nhiều cơ quan chính phủ đã lưỡng lự không muốn phát biểu cảm tưởng rằng mục tiêu chính của họ là "historic preservation". "Công tác quản lý tài nguyên văn hoá" dường như coi việc bảo tồn là một trong số rất nhiều khả năng chọn lựa đối với những nhà qui hoạch liên bang và nó đã trở thành một thuật ngữ chung được sử dụng để chỉ công tác bảo tồn của chính phủ. Ở các cơ quan về công viên, tài nguyên văn hoá được coi là một thành phần có quan hệ chặt chẽ với tài nguyên thiên nhiên. Một số cơ quan liên bang có trách nhiệm bảo tồn tài nguyên văn hoá đã phát triển thuật ngữ "cultural resources stewardship". Khi so sánh với từ "management" của giới công ty, từ "stewardship" bao hàm ý nghĩa về trách nhiệm duy trì và bảo vệ theo hướng để phát triển tự nhiên.

Khi những nhóm văn hoá trước đây đóng vai trò thứ yếu trở nên chủ động hơn trong lĩnh vực bảo tồn, họ đã bộc lộ mối quan tâm đối với "di sản văn hoá". Thuật ngữ này rộng hơn, bao gồm cả văn hoá phi vật thể, các nghi thức của cộng đồng, và những biểu hiện khác về bản sắc văn hoá. Do đó, việc duy trì di sản này được coi là "công tác bảo tồn di sản văn hoá". Tiến trình sử dụng thuật

ngữ cho thấy người ta đã cố gắng mở rộng hình ảnh của lĩnh vực bảo tồn bằng cách làm cho nó phản ánh những giá trị của đủ hạng người, từ các nhà quản lý chính phủ cho đến các cộng đồng địa phương. Tất cả những thuật ngữ trên vẫn tiếp tục được sử dụng và việc sử dụng chúng phụ thuộc vào cách nhìn của những người tham gia khác nhau.

Bản thân lĩnh vực bảo tồn cũng mở cửa tiếp nhận các nhà sử học

Một số tác động kết hợp với nhau trong những năm 1960 và 1970 đã đưa vai trò của nhà sử học vào lĩnh vực bảo tồn. Trước tiên là sự xáo động trong giới sử gia, đặc biệt là trong cộng đồng học thuật. Những biến động trong xã hội Mỹ với tư cách là một tổng thể đã tác động đến nhiều mặt của đời sống nước Mỹ, kể cả những đóng góp học thuật của các trường cao đẳng và đại học của quốc gia. Chương trình giảng dạy lịch sử đã trải qua một cuộc đại tu - tức là mở rộng phạm vi nghiên cứu, viết và giảng dạy lịch sử, từ chỗ chú trọng đến các nhà lãnh đạo quốc gia trong các lĩnh vực lịch sử về chính trị, ngoại giao, và quân sự, đã đi đến chỗ quan tâm đến cuộc sống của những người dân bình thường cũng như các nhóm thiểu số và phụ nữ - những gì được gọi là "lịch sử mới về xã hội". Đối với nhiều nhà lịch sử trong giai đoạn này, yêu cầu chứng minh họ có quan hệ thiết thân với những nhu cầu xã hội của dân tộc có tầm quan trọng hết sức to lớn. Kiểu yêu cầu lịch sử này ngày nay tuy không còn "mới mẻ" nữa, nhưng vẫn tiếp tục tồn tại.

Lịch sử mới về xã hội đã có đất dụng võ ở Hoa Kỳ, một phần nó được khơi nguồn bởi công trình của những nhà sử học Anh, những người đã nghiên cứu "lịch sử từ dưới lên", và nó đã gọi ra "một chân dung về quá khứ nước Mỹ phức tạp và nhiều sắc thái hơn rất nhiều, với tất cả tính đa dạng và dễ gây tranh cãi của nó"¹. Tác phẩm có ảnh

hưởng rộng rãi của E.P. Thompson là *The Making of the English Working Class* (*Sự hình thành giai cấp Lao động Anh*), tác phẩm minh họa cho "lịch sử đi từ dưới đáy lên", đã làm cho ngành lịch sử xã hội trở thành một trong những lĩnh vực trưởng thành của nghề sử học². Cách tiếp cận này được chuyển tới Hoa Kỳ, nơi những nhà sử học dốc lòng nghiên cứu kinh nghiệm của những người Mỹ bình thường. Việc tập trung vào ngành lịch sử xã hội đã tìm thấy sự hội tụ quan trọng với lĩnh vực bảo tồn vốn khởi đầu vào những năm 1970³.

Hầu như "phong trào" bảo tồn lịch sử đã ngẫu nhiên tìm được đà phát triển. Công tác bảo tồn là một bộ phận của phản ứng rộng lớn hơn về môi trường trước những hành động thái quá của thời kỳ tiếp sau Chiến tranh Thế giới II, khi các dự án về xa lộ, kiểm soát nước, qui hoạch lại đô thị cũng như các công trình công cộng khác đã gây ra sự tàn phá vô cùng to lớn đối với các khu di tích lịch sử, các mốc kiến trúc, và các địa điểm khảo cổ trên khắp đất nước. Ít thành phố hoặc thị trấn nào có được biện pháp thích đáng để đối phó với cơn thủy triều phá hoại này. Sức mạnh tập trung của phong trào bảo tồn lên đến đỉnh điểm vào năm 1966, với việc thông qua Đạo luật Bảo tồn Lịch sử Quốc gia. Khi đạo luật này được thi hành qua nhiều thập niên sau đó và được sửa đổi bổ sung vài lần, chính quyền tất cả các cấp cùng với khu vực tư nhân đã phát triển những qui định và những biện pháp khuyến khích, chúng kết hợp lại tạo nên "chương trình bảo tồn lịch sử quốc gia".

Mặc dù chính quyền liên bang đã sở hữu một số danh thắng lịch sử và có nhiều danh thắng khác được thừa nhận là những Mốc Lịch sử Quốc gia, nhưng một trong những tiền đề quan trọng của Đạo luật Bảo tồn Lịch sử Quốc gia là cần bảo vệ nhiều địa điểm hơn, chứ không chỉ những địa điểm có ý nghĩa

quốc gia này. Những người ủng hộ ở ngành lập pháp đã tìm kiếm một chương trình để đưa vào đây các địa điểm có ý nghĩa đối với bang và địa phương, bởi vì họ hình dung các địa điểm lịch sử "được duy trì như một bộ phận sống của đời sống và sự phát triển của cộng đồng chúng ta", như phần mở đầu của đạo luật đã nói.

Trên giấy tờ, những lời nói này có vẻ khô khan và quan liêu. Nhưng trên thực tế, các điều khoản của đạo luật đã làm bùng lên một cuộc cách mạng về các kiểu loại địa điểm lịch sử cần được giám sát, chứng minh bằng tư liệu, bảo quản, và giải thích. Suốt những thập niên tiếp theo, nhiều kiểu loại mới về địa điểm lịch sử đã được đưa vào lĩnh vực bảo tồn. Một số kiểu loại được nhìn nhận do những nghiên cứu mới về học thuật. Có đề tài xuất hiện do những điều tra mới đây về môi trường được xây dựng. Nhiều kiểu loại khác đã phát triển từ cảm nhận mạnh mẽ về ý thức xã hội và bao gồm các giá trị của các nhóm thành phần trước đây không được quan tâm đến.

Theo gương lĩnh vực lịch sử kinh viện, các nhà bảo tồn bị kích động bởi ngành lịch sử xã hội đầy mới mẻ và họ đã áp dụng những qui tắc cơ bản của nó vào công việc nghiên cứu các địa điểm lịch sử. Chẳng hạn, hợp lực với các phương pháp của các nhà khảo cổ học, việc nghiên cứu đồ chế tác và những mảnh vỡ của các nền văn hoá hữu hình đã giúp chúng ta hiểu biết về những con người của quá khứ mà trước đây chúng ta mù tịt. Các nhà bảo tồn tìm kiếm những hồ sơ ghi lại việc làm, thành tích, các nhật ký, hồ sơ kiểm tra dân số, lý lịch gia đình, ảnh cũ, và những nguồn tư liệu khác ghi chép lại cuộc sống của những con người bình thường đã trải qua những thời buổi quan trọng. Trọng tâm của phần trình bày về ý nghĩa gắn liền với các khuynh hướng và sự phát triển lịch sử của địa

phương hay khu vực; những yếu tố này tác động đến cảnh quan bản địa và có liên quan đến những cống hiến của hàng nghìn con người. Về nhiều khía cạnh, cuộc cách mạng đó vẫn tiếp diễn cho đến ngày nay và hứa hẹn sẽ trở thành bộ phận của một quá trình phát triển liên tục, quá trình "kể về những câu chuyện chưa biết".

Kết quả dẫn đến việc thi hành Đạo luật về Bảo tồn Lịch sử Quốc gia và việc phát triển các chương trình bổ sung ở tất cả các cấp chính quyền và có thể nói là hàng trăm, nếu không phải là hàng nghìn công ăn việc làm của ngành bảo tồn đã mở ra vào những năm 1960 và những thập niên tiếp theo, đòi hỏi phải được đào tạo và có kinh nghiệm trong lĩnh vực lịch sử (theo nghĩa rộng), ngoài kiến thức và kinh nghiệm trong lĩnh vực lịch sử kiến trúc, kiến trúc, và khảo cổ học. Các nhà lịch sử trước đó không có hy vọng gì được hành nghề của mình, nay đã tìm thấy những cơ hội mới trong lĩnh vực bảo tồn.

Các sử gia bước vào lĩnh vực bảo tồn

Trong buổi đầu của công tác bảo tồn hiện đại, có một số tổ chức, đặc biệt là Hiệp hội Lịch sử Bang và Địa phương của Mỹ, tìm cách duy trì mối liên hệ giữa các cơ quan về lịch sử và các học giả kinh viện. Tuy nhiên nhìn chung, có một sự phân cách rõ rệt giữa một bên là các công việc sẵn có trong ngành bảo tồn và một bên là các nhà sử học nhận thức được các cơ hội. Trong những năm 1960, thế giới học thuật hầu như là chỗ duy nhất và tốt nhất đối với những người quan tâm đến công việc nghiên cứu và viết sử. Không mấy nhà sử học kinh viện tích cực đi vào việc phát triển luật pháp cho ngành bảo tồn lịch sử quốc gia, và nếu xét về các hoạt động thuê mướn trong buổi đầu, thì họ "đứng ngoài vòng". Các chương trình đào tạo, như Hội nghị Chuyên đề về Quản lý

Lịch sử ở Colonial Williamburg, được xây dựng nhằm đưa các nhà sử học và các nhà chuyên môn khác vào lĩnh vực quản lý lịch sử, kể cả bảo tàng. Mục đích của chúng là chiêu dụ các nhà sử học xem lĩnh vực này như một lĩnh vực thích hợp đối với những mối quan tâm và kỹ năng của họ. Nói cho đúng, các nhà sử học và những người đồng sở thích đã "rơi phải lĩnh vực bảo tồn". Một số người ghi danh vào các chương trình đào tạo hiếm hoi, chẳng hạn chương trình bảo tồn lịch sử buổi đầu tại các trường kiến trúc ở Đại học Columbia và Đại học Cornell, những chương trình đào tạo cấp bằng về lĩnh vực này. Những người khác thì nhận bằng Thạc sĩ và Tiến sĩ rồi tìm ra những ông chủ cần thiết, cần đến những nhà sử học để lấp chỗ trống dành cho những "nhà sử học".

Cùng với thời gian, giới sử học đã nhận ra những thuận lợi cho việc phát triển các chương trình đào tạo có cấp bằng và cho công tác đào tạo khác trong ngành bảo tồn. Một vài giảng viên trước đó đã làm việc trong ngành bảo tồn nên đã quen với tính chất của công việc phi học thuật. Những giảng viên khác đang cố gắng tham gia vào công tác bảo tồn và tạo nên mối quan hệ gần gũi hơn giữa những gì được dạy ở lớp và các tình huống của công việc. Một ít giảng viên đại học coi các chương trình này như một cách thức để tăng số sinh viên ghi danh vào các môn lịch sử hay các môn có liên quan, nhưng họ vẫn giữ một ít khoảng cách đối với công tác bảo tồn tại thực địa và không cố gắng mấy để hiểu công việc thật sự của các nhà bảo tồn. Một số giám đốc của các chương trình đào tạo cấp bằng bảo tồn đã mời các nhà hoạt động thực tiễn trợ giảng. Tuy nhiên những giảng viên khác vẫn thu xếp cho sinh viên theo đuổi các dự án, các kỳ thực tập và thực hành của lớp, với sự hợp tác của các cơ quan công cộng và các tổ chức tư nhân.

Khi lĩnh vực bảo tồn phát triển và chú trọng đến một loạt nhiều loại di sản

văn hoá hơn, các cơ hội này đã được phản ánh trong các chương trình của các trường đại học. Một số chương trình đào tạo có cấp bằng đã nêu bật các di sản ở những khu vực riêng của họ như miền Tây, miền Nam, và New England. Nhiều chương trình khác của các trường đại học đã liên kết chặt chẽ với các chương trình qui hoạch thành phố và nhấn mạnh về lịch sử qui hoạch đô thị hay khu vực. Tuy nhiên, một số chương trình khác thì liên kết chặt chẽ với ngành kiến trúc và các chương trình lịch sử công cộng, và những gì họ nhấn mạnh đã phản ánh mối liên hệ này. Một vài chương trình được đưa vào trong các chương trình về Hoa Kỳ học và văn minh Hoa Kỳ, tạo ra khả năng tiếp cận đa ngành hay liên ngành. Có một chương trình thuộc diện đào tạo từ xa.

Đồng thời, các chương trình đào tạo cấp bằng bảo tồn lịch sử đã phát triển ở các trường cao đẳng và đại học của quốc gia, nhiều chương trình tương tự như thế về lịch sử công cộng và lịch sử ứng dụng cũng đang bén rễ. Lịch sử công cộng và lịch sử ứng dụng chú trọng đến một loạt các kỹ năng cần thiết để các nhà sử học làm việc trong thế giới thực tiễn với cương vị chuyên viên lưu trữ, nhà sử học công cộng, nhà sử học chung, nhà tư vấn lịch sử và những người chuyên nghiệp về bảo tàng. Trong một số trường hợp, bảo tồn lịch sử là môn tùy chọn của các chương trình về lịch sử công cộng và lịch sử ứng dụng. Năm 1979, Hội đồng Quốc gia về Lịch sử Công cộng đã được thành lập để đáp ứng nhu cầu của những nhà sử học này trong thế giới học thuật và thế giới ứng dụng.

Sau gần bốn thập kỷ, lĩnh vực bảo tồn giờ đây đề ra hàng tá khả năng để các trường đại học có thể chuẩn bị. Hiện nay câu hỏi đặt ra là: Làm thế nào để chọn lựa trong số rất nhiều khả năng? Hiện nay các quyết định phụ thuộc nhiều vào trọng tâm của chương trình và các cơ hội làm bài tập thực hành,

chẳng khác nào với việc phụ thuộc vào vấn đề chi phí và địa điểm. Sinh viên cũng có thể bước vào công tác bảo tồn thông qua việc ghi danh vào các chương trình đào tạo có cấp bằng nhưng không thuộc ngành bảo tồn, như qui hoạch, kiến trúc, lịch sử, khảo cổ, và nhân loại học, nếu họ muốn tự mình phát triển kinh nghiệm về bảo tồn.

Các nhà sử học là ai?

Danh hiệu “nhà sử học” trong các cơ quan bảo tồn lịch sử của chính phủ là một danh hiệu có phạm trù rất rộng - rộng hơn rất nhiều so với danh hiệu này ở các trường cao đẳng và đại học. Yêu cầu tối thiểu của chính quyền liên bang là phải có bằng cử nhân văn khoa cộng thêm một số kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm. Các tiêu chuẩn này được phân lớn chính quyền các bang và địa phương tuân theo; mới thoạt nhìn, chúng tạo nên một ngưỡng đòi hỏi không cao về điều kiện. Mặc dù nhiều cá nhân đáp ứng được các điều kiện tối thiểu này để trở thành một nhà sử học, nhưng trong thực tế các học vị cao như thạc sĩ hay tiến sĩ đã xếp những người xin việc ở bậc cao hơn trong danh sách những người xin việc hội đủ điều kiện. Dù bằng cấp cao có tầm quan trọng đến vậy, nhưng bề dày kinh nghiệm trong “nền văn hoá hữu hình” và trong công tác về tài nguyên văn hoá, số đầu sách và bài báo đã viết, và những bài thuyết trình trước các nhóm học giả còn quan trọng hơn. Các “sản phẩm” như các báo cáo, các đề nghị xếp hạng di tích lịch sử, và các công trình không công bố cũng có tầm quan trọng không kém; chúng tạo nên khối công việc về bảo tồn lịch sử.

Đại đa số các nhà sử học hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn đều có ít nhất một bằng thạc sĩ về lịch sử, Hoa Kỳ học, bảo tồn lịch sử, lịch sử công cộng, hay về một lĩnh vực có liên quan. Do đó, hầu như tất cả những người này đều đã hoàn thành một luận văn thạc sĩ, thể

hiện một nghiên cứu thật sự trong một lĩnh vực cụ thể. Hầu như tất cả đều đã tiến hành những cuộc khảo sát về các bất động sản có tính lịch sử, đánh giá ý nghĩa của một vài bất động sản trong bối cảnh của toàn bộ những bất động sản giống với chúng; và/hay chuẩn bị văn bản thuyết minh cho các hiện vật trưng bày, các tập sách mỏng để thông tin quảng cáo hay đề cương bài giảng. Phần lớn các nhà sử học này đã trải qua một hay nhiều kỳ thực tập với một cơ quan bảo tồn và đã quen với các văn bản pháp luật quan trọng cũng như những qui định thi hành luật có liên quan đến việc quản lý tài nguyên văn hoá.

Xét trên diện rộng các nhà sử học có năng lực trong lĩnh vực di sản văn hoá, chúng ta dễ cho rằng công việc của họ không tương xứng với công việc của các nhà lịch sử kinh viện. Ở một số trường hợp, đây là một đánh giá đúng đắn. Trong nhiều trường hợp khác, quan niệm này đã không có lợi cho nhiều nhà sử học có học vị tiến sĩ, đã xuất bản sách và bài viết có tầm uyên bác, đã trợ giảng ở một trường cao đẳng hay đại học ở gần đó, đảm bảo tầm hiểu biết mang tính mở đường về lịch sử đối với một số đề tài hay một số kiểu loại bất động sản, và đã nổi tiếng vì công việc mà họ đã hoàn thành trong lĩnh vực bảo tồn⁴.

Hiện nay lĩnh vực bảo tồn đòi hỏi nhiều kinh nghiệm thực tiễn hơn, khiến một giảng viên tài năng ở trường cao đẳng hay đại học giờ đây không dễ gì thành công trong việc cạnh tranh chiếc ghế nhà sử học trong lĩnh vực tài nguyên văn hoá, trừ trường hợp họ cũng có được kinh nghiệm thực chất của một nhà bảo tồn. Thực tế này cho thấy có rất nhiều cơ hội để người ta thu thêm kinh nghiệm khi đang học các trường sau đại học và đưa các kinh nghiệm đó vào các đợt thực tập và vào những kinh nghiệm công tác khác. Đồng thời nó cũng phản ánh tính chất ngày càng mã hóa của công tác lịch

sử trong lĩnh vực tài nguyên văn hoá, được định hướng bởi luật pháp của chính phủ và các tiêu chuẩn khác, cũng như số lượng các địa điểm mà công tác bảo tồn được thể chế hoá⁵.

Tính chất của công tác lịch sử trong lĩnh vực Di sản văn hoá

Các nhà sử học chịu trách nhiệm về một vài bộ phận chủ chốt trong công tác di sản văn hoá mà người ta có thể tìm thấy trong hầu hết các chương trình bảo tồn do chính phủ tài trợ hoặc bảo trợ. *Đầu tiên* là công tác khảo sát và nhận diện các địa điểm và tài nguyên lịch sử ở một khu vực địa lý cụ thể. *Hoạt động thứ hai* là thẩm định và xác minh bằng tư liệu về các địa điểm và tài nguyên đó. *Hoạt động thứ ba* là giải thích với công chúng về di sản đó thông qua các chương trình giáo dục, các xuất bản phẩm và Internet.

Khi tiến hành khảo sát cần phải nghiên cứu những thông tin cơ bản liên quan đến vị trí được khảo sát. Ví dụ, trước khi bắt tay khảo sát các toà nhà của các trường công ở một thành phố, nhà sử học sẽ tiến hành nghiên cứu quá trình phát triển của hệ thống trường công ở cộng đồng đó, nghiên cứu thiết kế về kiến trúc của các toà nhà của các trường công trên cả nước, khu vực, và địa phương, điểm lại một số công trình khảo sát về các toà nhà của các trường công ở những cộng đồng khác, thu thập tư liệu đã viết về các toà nhà của các trường công mà mình đang nghiên cứu. Tiếp đó, nhà sử học sẽ bắt tay vào việc điều tra tại chỗ mỗi toà nhà đó, ghi lại đặc điểm kiến trúc, phong cảnh, và những đặc điểm vật lý khác, và chuẩn bị viết mô tả về bất động sản đó. Đồng thời nhà sử học cũng ghi lại công trình đó bằng hình ảnh, và chuẩn bị một sơ đồ toàn cảnh gồm nhà trường và hệ thống đường sá bao quanh, hoặc kết hợp với một nhà nhiếp ảnh và người của Hệ thống Thông tin Địa lý (GIS) để thực

hiện việc này. Khi tìm hiểu về lịch sử xã hội liên quan đến các toà nhà này, hầu như cần phải tiến hành những cuộc phỏng vấn các giáo viên, học sinh, và các nhà quản lý trước đây, hoặc xem lại các kỷ yếu hay bản tin nội bộ của trường.

Một khi công việc khảo sát đã hoàn tất, cần chuẩn bị hồ sơ kê khai theo yêu cầu của khách hàng; khách hàng có thể là bản thân hệ thống các trường, cơ quan bảo tồn của chính quyền địa phương, hay sở bảo tồn lịch sử của bang. Bước tiếp theo của quá trình này là đánh giá về toàn bộ những bất động sản có liên quan và đề cử các bất động sản đáp ứng được những tiêu chí xếp hạng di tích lịch sử của địa phương, hay đáp ứng được các tiêu chí để được xếp vào Danh mục Địa điểm Lịch sử Quốc gia. Đối với các bất động sản xem ra có thể đáp ứng các tiêu chí này, cần chuẩn bị đơn đề cử xếp hạng chính thức, dựa theo tư liệu thuyết minh và tài liệu chỉ dẫn về việc đề cử do các cơ quan chính phủ ban hành. Đối với một số cơ quan chính quyền, chỉ cần những lời đề cử ngắn gọn, súc tích là đủ. Nhiều các cơ quan khác đòi hỏi phải có những văn bản có tính học thuật.

Danh mục Địa điểm Lịch sử Quốc gia và các chương trình xếp hạng khác ngày càng khuyến khích việc nghiên cứu và đề cử những nhóm bất động sản lịch sử có liên quan với nhau. Qui cách đề cử nhiều bất động sản cho phép những cơ quan có thẩm quyền trong việc đề cử - như các sở bảo tồn liên bang, bang hay bộ lạc - được đề cử các nhóm bất động sản giống nhau như nhóm các cây cầu, các toà nhà của các trường công, và các toà nhà của các thư viện Carnegie trên một phạm vi địa lý nhất định. Qui cách đề cử này đồng thời cũng khuyến khích đề cử những bất động sản quan hệ địa lý, như trụ sở toà án, nhà hát kịch, toà nhà ngân hàng của một hạt, và quảng trường thị xã - tức là những bất động sản có liên quan với nhau về địa lý, nhưng lại không

nằm sát nhau đến mức tạo thành một khu di tích lịch sử.

Việc đề cử nhiều bất động sản cùng một lúc đòi hỏi phải chuẩn bị trình bày về bối cảnh lịch sử của chúng, tức là một bài tiểu luận về lịch sử nhằm thuyết minh về các xu hướng và sức mạnh lịch sử chung đã tạo nên các nhóm bất động sản lịch sử đó. Chẳng hạn, đối với nhóm các toà nhà dùng làm trường công, phân trình bày về bối cảnh lịch sử sẽ thuật lại sự phát triển của hệ thống nhà trường trong các giai đoạn khác nhau cũng như quá trình phát triển của chương trình kiến trúc thành phố từ đó đã cho ra đời những nhóm cao ốc trường học để xác định. Tiếp sau phân trình bày về bối cảnh lịch sử là phân đề cử nhóm bất động sản, bao gồm việc thảo luận về các yêu cầu đăng ký - các đặc tính vật lý và có tính liên đới mà bất động sản đó bắt buộc phải có để có hội đủ điều kiện đưa vào Danh mục Quốc gia. Các yêu cầu về đăng ký có liên quan đến phân trình bày về bối cảnh lịch sử bởi vì từng bất động sản riêng được đánh giá trong phạm vi nhóm các bất động sản liên đới. Chẳng hạn, một toà nhà làm trường học năm 1890 được thẩm định trong khuôn khổ bối cảnh của những toà nhà làm trường học vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, chứ không phải những toà nhà làm trường học của những năm 1950.

Việc chuẩn bị đề cử nhiều bất động sản cùng một lúc cho thấy một phần nào công việc khó nhọc nhất mà một nhà sử học trong lĩnh vực bảo tồn có thể làm. Không những nhà sử học cần phải hiểu những xu hướng bao quát hơn trên cả nước, khu vực hay địa phương đã dẫn đến sự ra đời các toà nhà lịch sử, mà họ còn phải có khả năng viết tài liệu như thế nào để những người không phải là nhà sử học có thể hiểu cơ sở lý luận được dùng để giới thiệu một số bất động sản là hội đủ tư cách và những bất động sản khác là không hội đủ tư cách để xếp hạng mục lịch sử.

Khi từng bất động sản được đề cử như một bộ phận của đơn đề nghị xếp hạng nhóm bất động sản, thì tư liệu thuyết minh liên quan đến từng bất động sản cụ thể đó phải được đưa ra ở mỗi phần đề cử. Thông tin bao quát hơn về chủ đề chung không cần thiết phải lặp đi lặp lại bởi vì nó đã được nói đến trong phân tài liệu thuyết minh về nhóm bất động sản. Việc đề cử nhóm bất động sản đã thúc đẩy việc đề cử các nhóm bất động sản có liên quan với nhau và từ đó thúc đẩy việc hiểu biết về chúng. Đồng thời nó cũng góp phần tạo nên sự trân trọng các chủ đề lịch sử quan trọng có ảnh hưởng đến môi trường được xây dựng.

Khi các địa điểm lịch sử chính thức được thừa nhận, vai trò của các nhà sử học có thể lùi lại hay nhường lại cho kiến trúc sư chịu trách nhiệm tiến hành những xử lý thích hợp, bao gồm việc phục hồi, khôi phục, và tôn tạo chúng. Các nhà sử học về kiến trúc chuyên về một số loại vật liệu xây dựng hay các phương pháp cấu trúc có thể tham gia vào giai đoạn xử lý này.

Vai trò của các nhà sử học lại trở nên nổi bật khi cần lên chương trình lý giải. Chẳng hạn, khách hàng có thể muốn xuất bản một cuốn sách về chủ đề mà bất động sản đó thể hiện, hay một tập sách mỏng để giới thiệu với đại chúng về bất động sản đó. Hoặc những khả năng khác như phục vụ các cuộc triển lãm ở bảo tàng và các trang Internet. Trong những trường hợp này, các nhà sử học thường tham gia vào việc triển khai tài liệu này, đôi khi họ phải phối hợp với các nhà giáo dục như các giáo viên hay có thể là các chuyên gia về bảo tàng. Do các chương trình lý giải có thể được triển khai trong nhiều năm sau khi tiến hành nghiên cứu bước đầu, nên họ cần phải đảm nhiệm công tác nghiên cứu tiếp theo.

Khai phá những hướng mới trong lịch sử quốc gia, bang và địa phương

Khi các nhà lịch sử về bảo tồn ra đời bởi các xu hướng lịch sử xã hội của những năm 1960 chạm trán với thực tế, có thể nói như vậy, họ phát hiện rằng các công trình xuất bản đáp ứng nhu cầu của họ còn quá ít ỏi. Cho nên các nhà sử học cần phải thành lập những tổ chức khai phá tư liệu, đặc biệt đối với các chủ đề liên quan đến các bất động sản lịch sử có ý nghĩa địa phương. Các chủ đề khảo sát lịch sử như các trang trại có ý nghĩa lịch sử của một nhóm dân định cư miền Trung Tây ở vùng quê hạt Montana, những đường mòn, vườn tược, và trang trại của các thợ mỏ người Trung quốc ở Idaho, và một rạp chiếu phim ở một cộng đồng phương Nam đã được xây dựng và hoạt động nhằm phục vụ cho những người Mỹ gốc Phi bị cấm vào những rạp do người da trắng làm chủ; các chủ đề này, nếu có, chỉ được các giảng viên đại học đề cập đến. Do đó, các nhà lịch sử bảo tồn đã liên tục khai phá những điều mới mẻ khi họ tiến hành khảo sát các bất động sản có ý nghĩa lịch sử và chuẩn bị thẩm định chúng để dự trù khả năng chúng sẽ được xếp hạng. Trong nhiều trường hợp, họ tiếp tục làm như vậy.

Nếu chỉ có trong tay các sự kiện về một bất động sản lịch sử - như tuổi, chủ sở hữu, việc sử dụng, và các chi tiết kiến trúc - thì chưa đủ để đánh giá ý nghĩa của chúng. Tâm quan trọng của từng toà nhà, từng danh thắng, từng công trình kiến trúc và từng khu phải được đánh giá trong bối cảnh bao quát của quốc gia, khu vực hay địa phương. Do đó, các nhà sử học trong lĩnh vực bảo tồn phải có khả năng khai thác các bối cảnh này trong khi viết, và sử dụng chúng làm khuôn khổ để đánh giá ý nghĩa. Chẳng hạn, để đánh giá một trường học ở đô thị vào năm 1910 có tư

cách để xếp vào Danh mục Quốc gia hay không, cần phải so sánh nó với các toà nhà khác được dùng làm trường học của thời đó trong cùng một thành phố, một khu vực, hay dựa theo các tiêu chuẩn quốc gia của thời đó. Cùng một trường học có thể phản ánh những cách tiếp cận mới về thiết kế của các toà nhà của trường, minh họa cho các học thuyết thịnh hành về giáo dục, hoặc có thể cho thấy sinh viên ghi danh vào trường thuộc một cộng đồng đặc biệt quan trọng. Chẳng mấy khi học giả thuộc các trường đại học lại giấu giếm những tư liệu này để buộc các nhà sử học trong lĩnh vực bảo tồn phải nghiên cứu lại từ đầu.

Nhằm đối phó với tình trạng nghiên cứu nghèo nàn trong công tác bảo tồn, các tổ chức mới đã được thành lập. Chẳng hạn, Hội Khảo Cổ về Thương mại được thành lập vào năm 1977 để nghiên cứu "các toà nhà, đồ chế tác, cấu trúc, ký hiệu và các biểu trưng của cảnh quan thương mại trong thế kỷ 20". Một ví dụ khác là Diễn đàn Kiến trúc Bản địa được hình thành năm 1980 để khuyến khích việc nghiên cứu và bảo quản các toà nhà nội địa truyền thống và các toà nhà nông nghiệp, các công trình kiến trúc công nghiệp và thương mại, nhà cửa ở ngoại ô trong thế kỷ 20, các mô hình định cư và các cảnh quan văn hoá".

Các tổ chức khác đã phát triển chung quanh các giai đoạn đặc biệt của một thời kỳ hay các chung quanh các phong cách kiến trúc, chẳng hạn Hội Victoria ở Mỹ, Hội Nghệ thuật Trang trí của Washington DC, và tổ chức Thuyết minh và Bảo tồn Các Toà nhà, Thắng cảnh, và Các Khu Lân cận của Phong trào Hiện đại (DOCOMOMO). Tất cả các tổ chức này đều cho ra những bản tin nội bộ và/hay các tập san, duy trì các trang web, và bảo trợ cho các hội nghị định kỳ, nơi các nhà học thuật và các nhà hoạt động thực tiễn thuyết trình về những nghiên cứu mới

đây của họ, giống như Tổ chức Các Nhà sử học Mỹ (do các trường đại học chi phối) và Hiệp hội Hoa Kỳ học xuất bản các ấn phẩm và tổ chức các cuộc họp hàng năm.

Các thuận lợi mang tính chất đa ngành

Hiếm nhà sử học trong lĩnh vực bảo tồn dám chơi sang bằng cách tập trung sự nghiệp của họ vào các lĩnh vực chủ đề riêng, như lịch sử ngành vận tải, lịch sử của phụ nữ, hay lịch sử phát triển ngoại ô. Cho nên họ phải thành thạo một diện đề tài rộng lớn và có khả năng làm việc với chuyên gia để có thể tổng hợp các ý kiến và thực hiện việc đánh giá về ý nghĩa và tư cách của các bất động sản nhằm phục vụ cho các chương trình xếp hạng khác nhau.

Yêu cầu có tầm bao quát về đề tài trong công tác bảo tồn chính là một điểm mạnh mà cũng là điểm yếu. Bao quát được nhiều lĩnh vực chủ đề sẽ làm cho nhà bảo tồn đảm bảo rằng mỗi dự án được xét dưới nhiều quan điểm khác nhau. Nếu nhà sử học không đánh giá được một khía cạnh về quá khứ của bất động sản, thì thường có một hay nhiều nhân viên khác của cùng cơ quan đó có thể am hiểu về nó. Nếu cần kiến thức chuyên sâu để tăng thêm độ tin cậy cho việc đánh giá, thì cơ quan bảo tồn có thể hợp đồng với một chuyên gia về đề tài đó để phân tích sâu hơn. Trong bất kỳ trường hợp nào, các quyết định về ý nghĩa và tư cách để xếp hạng bất động sản không thể chờ đợi vô thời hạn; thông thường, có những lịch trình ấn định thời gian để đưa ra những quyết định này.

Công tác đào tạo liên ngành chú trọng khả năng liên thông giữa các ngành và khả năng kết hợp vài cách nhìn, như chúng ta thấy trong các chương trình về Hoa Kỳ học. Tuy vậy, công tác bảo tồn có thể bị các chuyên gia về đề tài, kể cả các nhà sử học kinh viện, coi là có tính chất hời hợt, không sâu sắc và gắn liền với các nguyên tắc và lịch trình được chính quyền

bảo trợ - những khái niệm bị ghét cay ghét đắng trong công tác điều tra độc lập của giới trí thức - thì cũng không có gì sai. Tuy thế, ít nhà học thuật từ chối tư vấn về một đề tài trong phạm vi các lĩnh vực chuyên môn của mình. Hơn nữa, công việc bước đầu của một nhà bảo tồn có thể được nhà sử học kinh viện sử dụng về sau.

Các giá trị nào đang được bảo tồn?

Trong giai đoạn đầu của chương trình bảo tồn lịch sử quốc gia, tức là suốt những thập niên 1970-80 và 1980-1990, nhiều nhà bảo tồn đã coi công việc của họ là có tính chất mở đường. Họ đã tiếp cận các cuộc khảo sát về các bất động sản có ý nghĩa lịch sử với một bầu nhiệt huyết hầu như mang tính sứ mệnh. Họ đã nghiên cứu nền kiến trúc bản địa, những toà nhà công nghiệp, và những loại bất động sản khác nói chung trước đó đã không được các thế hệ của những nhà bảo tồn và các học giả lớp trước quan tâm. Tuy nhiên, ở một số khía cạnh, các giá trị mà các nhà bảo tồn này tôn vinh lại không liên quan đến các giá trị của phần lớn công chúng nộp thuế⁶.

Khi lĩnh vực bảo tồn đạt đến sự trưởng thành vào những năm 1990 và đầu thế kỷ 21, nhiều cơ quan và tổ chức bảo tồn đang cố gắng giảm khoảng cách về "các giá trị" giữa các nhà bảo tồn "yuppie"* và những nhu cầu thực tế liên quan đến di sản văn hoá của những cộng đồng chưa được chú ý tới. Thay vì nói với công chúng cái gì là quan trọng và đáng gìn giữ, ngày nay người ta chú trọng nhiều hơn đến việc tham khảo ý kiến của những cộng đồng này để xác định đối với họ cái gì là quan trọng. Để đề cao công việc của cộng đồng mình, các nhà bảo tồn phối hợp với các chuyên gia về văn hoá dân gian là những người có kinh nghiệm trong việc tham khảo ý kiến của các nhóm thành phần về văn hoá.

Trong những năm 1990, nhiều cơ quan bảo tồn của chính phủ đã phát

triển các sáng kiến để mở rộng nhiệm vụ của họ nhằm đưa các địa điểm lịch sử thể hiện giá trị của các nhóm thiểu số, của phụ nữ và những nhóm dân cư chưa được chú ý đến vào phạm vi trách nhiệm của mình. Các nhà lịch sử trong lĩnh vực bảo tồn bị thu hút vào việc giới thiệu với công chúng về chế độ nô lệ, điều tra về những tiện ích công cộng trước đây đã có cách sử dụng phân biệt, và giải thích về ảnh hưởng của di sản văn hoá Phi châu đối với cảnh quan của Mỹ. Họ tiến hành các cuộc khảo sát về nhà cửa của dân di trú mà các gia đình người Mỹ gốc Mexico đã cư ngụ ở Texas và những địa điểm tại cảnh quan nơi đó có tầm quan trọng về mặt truyền thống và tinh thần đối với các bộ lạc người Mỹ da đỏ.

Các nhà sử học trong vai trò nhà quản lý và chỉ đạo

Khi các nhà sử học bước vào công việc bảo tồn ở các cơ quan chính phủ hay các tổ chức tư nhân, họ có thể bắt đầu ở vị trí khởi điểm hay trung gian. Ở những vị trí này, trên thực tế họ có thể thực hiện phần lớn việc nghiên cứu và viết sử. Cùng với thời gian, và khi họ muốn thăng tiến trong tổ chức của mình, họ có thể trở thành những người quản lý các công việc do các nhà tư vấn về lịch sử và bảo tồn thực hiện. Do đó, mối liên hệ giữa họ và nghề lịch sử trở thành xa vời hơn và họ phải dựa vào những người khác. Khi thăng tiến cao hơn nữa, họ có thể trở thành người chỉ đạo các nhóm gồm các nhà quản lý làm việc theo hợp đồng.

Các nhà chỉ đạo và các nhà quản lý sẽ phải để tâm chi tiết đến việc thu mua của chính phủ, việc quản lý nhân sự, việc lên kế hoạch về ngân sách và việc thực thi chương trình. Tùy theo cương vị của họ trong một tổ chức, có thể họ phải gặp gỡ các viên chức cao cấp của chính phủ để thảo luận chi tiết những trường hợp quan trọng. Nếu họ làm việc cho các hãng tư vấn, có thể họ

phải lo chuẩn bị các đề nghị chi tiết để đáp ứng cho "các yêu cầu đề xuất" (RFP). Khi hãng của họ trúng thầu, nhà lịch sử làm công việc quản lý có trách nhiệm hoàn thành các điều khoản trong hợp đồng bằng cách đốc thúc nhân viên dưới quyền của mình nỗ lực làm việc. Nhà sử học làm công tác bảo tồn ít khi được thưởng bằng biện pháp tài chính nhờ thành thạo về đề tài của họ; các vụ đề bạt thường căn cứ vào việc quản lý người và ngân sách.

Không cần phải nói chúng ta cũng hiểu rằng khác với con đường học thuật, nhà sử học càng thâm niên trong một cơ quan hay tổ chức bảo tồn, càng ít có xu hướng sẽ làm công việc nghiên cứu và viết lách của một nhà sử học truyền thống. Trong công tác học thuật, tình hình trái ngược hẳn - nghĩa là nhà sử học càng có thâm niên thì càng có xu hướng dành nhiều thời gian để theo đuổi công việc học thuật.

Cần nắm bắt nhịp đập tình cảm của công chúng

Với tư cách chủ tịch Tổ chức Các Nhà sử học Hoa Kỳ, trong bài diễn văn gửi các thành viên tổ chức này vào tháng 4/2001 có tên "Sức mạnh của lịch sử: Điểm yếu của một nghề nghiệp", Kenneth T. Jackson đã phát biểu về tình trạng nghịch lý trong lĩnh vực sử học⁷. Lĩnh vực sử học kinh viện đang suy sút - viễn cảnh công ăn việc làm mù mờ, số sinh viên ghi danh học các môn lịch sử ít hơn, các cơ hội xuất bản của các nhà sử học đang giảm bớt. Nhưng một mặt khác, công chúng tỏ ra quan tâm đến lịch sử hơn bao giờ hết. Các kênh truyền hình cấp chú trọng đến các chủ đề lịch sử. Sách lịch sử nằm trong danh sách sách bán chạy nhất. Công tác nghiên cứu lịch sử đạt số lượng và chất lượng chưa từng thấy. Theo Jackson, một trong những nguyên do gây ra tình trạng tài chính khó khăn trong khi lịch sử đang rất được quan

tâm là: thiếu lối viết trong sáng và phong cách văn xuôi hấp dẫn. "Các học giả trẻ thường nghĩ rằng họ buộc phải viết khó hiểu để người ta nghĩ rằng họ thông minh và thâm thúy... Có quá nhiều chuyên khảo lịch sử bị kéo xuống bởi những câu cú loằng ngoằng, những đoạn văn khó hiểu, chuyển mạch kém và những kết luận bí hiểm"⁸.

Trong khi thế giới học thuật ngày càng đóng vai trò thứ yếu, thì các nhà sử học ứng dụng trở thành trọng tâm trong lĩnh vực di sản văn hoá. Họ đứng ở chỗ giao nhau, nối liền công việc nghiên cứu lịch sử với những mục đích công cộng. Trong khi chắc chắn không phải tất cả cách viết sử trong lĩnh vực bảo tồn đều tiêu biểu cho sự trong sáng rõ ràng và thực chất, thì công tác lịch sử trong lĩnh vực bảo tồn nhằm vào các nhà chính trị, các nhà hoạch định chính sách và ra quyết định, các quan chức nhà nước nằm ngoài giới sử học, các tổ chức của cộng đồng, và công chúng rộng rãi. Mục đích chính của công tác lịch sử trong lĩnh vực bảo tồn không phải cuối cùng cho ra đời một ấn phẩm học thuật. Kết quả cuối cùng của nó là các báo cáo về công việc khảo sát, các văn bản đề cử (di tích lịch sử), các kế hoạch thuyết minh, các pan-nen trưng bày, và các tập thông tin quảng cáo mỏng được trang trải bằng tiền thuế, và những người đóng thuế phải hiểu được chúng. Việc xuất bản những bài viết và sách có thể là mục đích phụ, nhưng có lẽ điều này thuộc về sáng kiến và tham vọng cá nhân của nhà sử học.

Công tác lịch sử trong lĩnh vực bảo tồn cần phải tính đến nhịp đập tâm tư tình cảm của công chúng. Các đề cử thừa nhận di tích lịch sử phải tính đến việc làm cho quần chúng am hiểu tại sao một bất động sản lại có ý nghĩa và tại sao ngân khố công cộng nên chi phí cho việc bảo vệ nó. Công việc nghiên cứu để phục vụ cho các chương trình thuyết minh phải nhằm vào cử tọa của

nó là công chúng rộng lớn, chứ không phải các sinh viên ghi danh học môn các phương pháp lịch sử tiên tiến. Kinh nghiệm của một nhà sử học làm công tác bảo tồn là sử dụng một cách hiệu quả các phương pháp truyền thống, nhưng nhằm vào một cử tọa rộng rãi.

Thông thường, các nhà lịch sử trong lĩnh vực bảo tồn có thể nhìn thấy những kết quả cụ thể của công việc họ làm, không chỉ dừng lại ở việc hoàn tất một báo cáo, một bài báo, hay thậm chí một cuốn sách. Ví dụ, kết quả đó có thể là một toà nhà được bảo quản để phục vụ một vị chủ nhân hay công chúng biết trân trọng bất động sản đó, chứ không bị phá huỷ hay thay đổi đột ngột. Đối với các nhà sử học hoạt động nhằm tìm tài liệu chứng minh hay nhằm đề nghị thừa nhận chính thức các khu lịch sử hay các nhóm bất động sản lịch sử có liên quan với nhau, thì việc chứng kiến chúng được bảo tồn và tiếp tục sử dụng là một phần thưởng đặt biệt đối với họ. Đây là những loại kết quả làm cho công tác bảo tồn trở thành một trong những công việc theo đuổi đem lại nhiều thoả mãn nhất cho các nhà sử học.

Lấp đầy khoảng ngăn cách

Trong tình hình vài chục trường cao đẳng và đại học hiện đang đưa ra những chương trình đào tạo sau đại học về bảo tồn lịch sử, chủ yếu ở cấp thạc sĩ (dù một số chương trình có quan hệ với các chương trình đào tạo tiến sĩ về lịch sử, Hoa Kỳ học, và qui hoạch đô thị), vậy thì các cộng đồng học thuật và bảo tồn có thể làm gì thêm để thúc đẩy các mục tiêu chung và riêng của họ? Con đường lý tưởng là tiến trình giáo dục sẽ hoạt động hướng tới việc tạo nên một mối quan hệ gắn gũi hơn giữa lĩnh vực lịch sử mang tính học thuật và lĩnh vực lịch sử công cộng. Sự phối hợp chặt chẽ hơn này sẽ làm các nhà học thuật được công chúng quý chuộng hơn và đưa công tác bảo tồn đến gần với các tiêu chuẩn

học thuật hơn. Trong tiến trình này, công tác bảo tồn sẽ trở nên có tầm cỡ hơn và được kính nể hơn.

Vậy điều gì ngăn trở mối quan hệ gần gũi hơn đó? Đó là: các nhà sử học kinh viện vẫn còn xa lạ với nội dung của công tác bảo tồn, cho dù họ tham gia giảng dạy các bộ môn cần thiết cho một chương trình đào tạo cấp bằng về bảo tồn. Do đó, các cuộc nói chuyện của họ với sinh viên sau đại học có thể tập trung trước hết vào những cuốn sách đã được xuất bản hay những bộ môn được giảng dạy, hơn là nội dung thật sự của công tác bảo tồn. Mặt khác, nhiều nhà lịch sử trong lĩnh vực bảo tồn là những người thu thập thông tin, rồi tổ chức thông tin thành những báo cáo và các đơn đề cử (xếp hạng di tích), mà rất ít phân tích hay giải thích về các sự kiện ấy. Những loại tài liệu này không phải loại được các nhà lịch sử kinh viện kính nể, mà cũng không giúp người khác am hiểu nhiều hơn về lịch sử của dân tộc.

Các trường cao đẳng và đại học bảo trợ cho các chương trình đào tạo cấp bằng về bảo tồn cần phải đầu tư nhiều nỗ lực hơn nữa vào việc nâng cao trình độ nghiên cứu học thuật và kinh nghiệm viết lách cho sinh viên trong quá trình đào tạo sau đại học của họ, cho dù bằng cấp cuối khoá học là ở mức thạc sĩ. Họ cần phải đưa vào đó công tác đào tạo về văn hoá hữu hình; nó sẽ khuyến khích sinh viên phân tích và phê bình. Các giáo sư và giám đốc các chương trình cần phải trở nên quen thuộc hơn với các loại công việc của các nhà lịch sử trong lĩnh vực bảo tồn và quen với sự khác nhau giữa chúng và công việc học thuật. Các giảng viên và các giám đốc chương trình cần phải thừa nhận rằng công tác về lịch sử có những loại khán thính giả khác nhau và cần nhấn mạnh nhu cầu là công trình lịch sử cần phải vừa dễ đọc được vừa đáng tin cậy.

Cào bằng lĩnh vực Lịch sử thông qua Internet

Một trong những phát triển có ý nghĩa nhất trong lĩnh vực lịch sử trong thập kỷ qua là sự ra đời của Internet với tư cách là nguồn cung cấp thông tin về lịch sử. Internet chứa nhiều trang web, nơi các nhà sử học với những niềm tin và mức độ thành tựu khác nhau có thể gửi công bố công trình nghiên cứu của mình. Trong tình hình cơ hội xuất bản sách giảm sút, Internet sẽ phục vụ như một phương tiện thay thế đối với việc công bố về học thuật. Các nhà nghiên cứu có thể tìm kiếm những "xuất bản phẩm" Internet này để phục vụ cho công tác nghiên cứu, có thể đánh giá chất lượng của thông tin đó, và trích dẫn các địa chỉ Internet trong phần chú thích. Đồng thời việc phát triển và duy trì các địa chỉ Internet có thể được sử dụng để tăng cường thêm sự hiểu biết về nhà sử học.

Đồng thời Internet cũng có một ảnh hưởng sâu sắc đối với việc thực hiện sẵn hàng triệu hồ sơ về lịch sử để sử dụng. Trước khi có Internet, những hồ sơ này chỉ đáp ứng yêu cầu của những nhà nghiên cứu có đủ tiền bạc cho phép họ tìm đến thư viện, cơ quan lưu trữ hoặc của những kho tư liệu khác. Việc thiếu kinh phí đi lại bây giờ không còn là một trở ngại nữa. Các cơ quan quan trọng như Thư viện Quốc hội, Hội Lịch sử Chicago, và nhiều trường cao đẳng hay đại học khác đã đưa tranh ảnh, hồ sơ bản thảo, và các sưu tập bảo tàng lên Internet. Những địa điểm xa xôi cũng có thể xem và nghiên cứu các hồ sơ này. Thông tin sẵn có này làm cho việc nghiên cứu lịch sử trở nên có hiệu quả hơn nhiều đối với các nhà lịch sử kinh viện cũng như các nhà lịch sử trong lĩnh vực bảo tồn, vì vậy đã cào bằng sân chơi một cách đáng kể.

Trò chơi cuối cùng

Lĩnh vực bảo tồn đã tiến một bước xa kể từ khi các nhà lịch sử "rơi phải" lĩnh vực này. Các nhà lịch sử làm công tác bảo tồn hiện nay đến với công việc của họ với hành trang kiến thức công nghệ, học vị cao về lĩnh vực bảo tồn hay lĩnh vực lịch sử công cộng, và kinh nghiệm thu được thông qua các kỳ thực tập hay những kinh nghiệm thực tiễn khác. Với việc cộng đồng học thuật đầu tư nhiều hơn vào việc am hiểu lĩnh vực mà họ đang giáo dục cho sinh viên của mình, lĩnh vực bảo tồn và lĩnh vực học thuật sẽ đạt được những mục tiêu chung; đó là mối quan hệ gắn bó hơn giữa những nỗ lực học thuật và tâm tư tình cảm của công chúng, cũng như cộng đồng học thuật sẽ trân trọng hơn công việc của những nhà lịch sử làm công tác bảo tồn ■

Antoinette J. Lee là Nhà quản lý Các Dự án Đặc biệt cho Trung tâm Quốc gia về Tài nguyên Văn hoá, thuộc Sở Công viên Quốc gia của Washington D.C. Bà là tác giả của Các kiến trúc sư đối với Quốc gia: Sự hưng thịnh và Suy vi của Văn phòng kiến trúc sư giám sát (New York: Oxford University Press, 2000) và các tác phẩm khác về lịch sử kiến trúc và bảo tồn lịch sử. Bà làm Phó giáo sư trợ giảng của chương trình đào tạo thạc sĩ về Bảo tồn Lịch sử ở trường Goucher College, Baltimore, MD. Bà gửi lời trân trọng cảm ơn đến Beth M. Boland, William Boshong, Brian D. Joyner và Michele Gates Moresi về những lời phê bình của họ về bài viết này.

Chú thích:

* Yuppie: chỉ thanh niên có nghề nghiệp, đặc biệt là một thanh niên kiếm được nhiều tiền trong một công việc ở thành phố và có

nhiều tham vọng; ở đây nhằm chỉ những nhà bảo tồn đang làm công việc (N.D.).

- (1) Eric Foner, "Cuộc đời làm nhà lịch sử của tôi" trong *Ai sở hữu lịch sử: Suy nghĩ lại về quá khứ trong một thế giới đang biến đổi*, Eric Foner chủ biên, (New York, Hill and Wang, 2002), tr. 11.
- (2) Peter Novick, *Giác mộng cao quý: Câu hỏi về sự khách quan* (Cambridge: Cambridge University Press, 1988) tr. 441-442.
- (3) Eric Foner. "Dẫn luận về lần xuất bản thứ nhất", trong *Lịch sử mới về Hoa Kỳ*, Eric Foner chủ biên (Philadelphia, PA: Temple University Press, 1997), tr. ix.
- (4) Antoinette J. Lee, "Các nhà bảo tồn lịch sử và các nhà quản lý tài nguyên văn hoá: Bảo tồn các địa điểm lịch sử của nước Mỹ" trong *Lịch sử chung: Những bài viết từ lĩnh vực này*, James B. Gardner và Peter S. LaPaglia chủ biên, (Malabar, Florida: Krieger Publishing Company, 1999), tr. 129-155. Trong bài này, tôi đề cập đến khả năng so sánh giữa công trình viết của các nhà lịch sử trong lĩnh vực bảo tồn và các nhà lịch sử kinh viện.
- (5) Antoinette J. Lee. "Từ giấy tennis cho đến giấy mê bình thường: Công việc bảo tồn lịch sử đi từ niềm đam mê đến một nghề nghiệp" *Tin Lịch sử* (Hè 2002): tr. 18-21.
- (6) Catherine W. Bishir, "Yuppies, Bubbas và nền chính trị văn hoá", trong *Các cách nhìn trong nền kiến trúc bản địa*, Thomas Carter và Bernard L. Herman chủ biên (Columbia: University of Missouri Press, 1989) tr. 8 - 15.
- (7) Trong bài viết của mình "Sức mạnh của lịch sử: Điểm yếu của nghề nghiệp", *Tạp san Lịch sử Mỹ*, tập 88, số 4 (tháng Ba 2002), tr. 1299-1314, Kenneth T. Jackson đề cập đến một số trở ngại làm cho các nhà lịch sử kinh viện tách rời xã hội rộng lớn hơn ở chung quanh họ.
- (8) Tài liệu vừa dẫn, tr. 1312.

Người dịch: Nguyễn Thị Nga
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Nguồn: *American Studies International*,
June-October 2004, Vol. XLII, Nos. 2&3